

Số: 133 /TB-THADS

Cao Bằng, ngày 17 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản (lần 2)

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Bản án số 01/2023/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Bản án số 223/2024/KDTM-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CTHADS ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 09/QĐ-CTHADS ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 167/2025/0532-PD/CTTĐG ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định giá Phương Đông.

Do đương sự không thỏa thuận được tổ chức đấu giá tài sản và hết thời hạn theo Thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 109/TB-THADS ngày 14/7/2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mà không có tổ chức đấu giá nào nộp hồ sơ đăng ký tham gia.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng (Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính mới, Tổ 7, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng) tiếp tục lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

1. Tên tài sản, đặc điểm tài sản, giá khởi điểm của tài sản:

1.1 01 (một) xe tải ben - Hoa mai mang BKS: 11LD-0004, giấy tờ tài sản số 0001301 do Công an Cao Bằng cấp ngày 08/3/2008; Đặc điểm kỹ thuật: màu xanh, dung tích: 4214, sản xuất năm 2008. Tại thời điểm kê biên xe không khởi động được, không có gương chiếu hậu bên trái, hệ thống đèn tín hiệu toàn bộ đã vỡ hỏng, hệ thống thân vỏ mục, mọt, han gỉ, bong tróc, hệ thống điều khiển trong cabin cũ hỏng, không còn nguyên vẹn, hệ thống lốp còn đầy đủ nhưng không hoạt động trong thời gian dài nên không còn đảm bảo yếu tố kỹ thuật. Không kiểm tra được số khung, số máy.

Giá khởi điểm: 31.500.000,đ.

Bằng chữ: Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng.

2.1 01 (một) xe tải ben - Hoa mai mang BKS: 11LD-0003, giấy tờ tài sản số 0001321 do Công an Cao Bằng cấp ngày 08/3/2008; Đặc điểm kỹ thuật: màu xanh, dung tích: 4214, sản xuất năm 2008. Tại thời điểm kê biên xe đã xuống cấp trầm trọng, một số bộ phận đã bị tháo không còn nguyên vẹn như: mặt máy động cơ, trục láp cầu sau, trục các đăng, xe không có ắc quy, không có gương chiếu hậu trái phải, hệ thống đèn tín hiệu toàn bộ bị vỡ, hỏng. Hệ thống khung gầm, thân vỏ mục nát, han gỉ, bong tróc nhiều chỗ, hệ thống điều khiển trong cabin cũ nát, không còn nguyên vẹn. Hệ thống lốp đã cũ, không đảm bảo yếu tố kỹ thuật. Không kiểm tra được số khung, số máy.

Giá khởi điểm: 26.600.000,đ

Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng.

3.1 Máy xúc lật thứ nhất: Máy xúc lật bánh lốp Nhãn hiệu LiuGong ZL50C; Xuất xứ: Trung Quốc; khối lượng hoạt động 16500kg; Công suất tải định mức 5000kg; Công suất 162kW; Số seri 064005; Sản xuất năm 2006 tại thời điểm kê biên không khởi động được động cơ. Hiện trạng đã xuống cấp hư hỏng nhiều chỗ. Bánh trước bên phải bị tháo rời; Gầu xúc han gỉ, mục thủng nhiều chỗ, thân vỏ han gỉ nhiều chỗ; các hệ thống điều khiển trong buồng lái đã cũ, xuống cấp, đã hỏng; các bộ phận còn lại đã cũ, xuống cấp.

Giá khởi điểm: 98.000.000,đ

Bằng chữ: Chín mươi tám triệu đồng.

4.1 Máy xúc lật thứ hai: Máy xúc lật bánh lốp Nhãn hiệu LiuGong ZL50C; Xuất xứ: Trung Quốc; khối lượng hoạt động 16500kg; Công suất tải định mức 5000kg; Công suất 162kW; Số seri 115207; Sản xuất năm 2008 tại thời điểm kê biên không khởi động được động cơ; các bộ phận, chi tiết của máy xúc cũ, xuống cấp, thân vỏ han gỉ nhiều chỗ, gầu xúc han gỉ; hệ thống điều khiển trong buồng lái đã cũ, hỏng; hệ thống lốp cũ, mòn.

Giá khởi điểm: 98.000.000,đ

Bằng chữ: Chín mươi tám triệu đồng.

5.1 Cân 80 tấn: Không xác định được năm sản xuất, mặt cân bằng thép, kích thước 3.5x15m, hàng rào chắn thép, bề mặt cân có dấu hiệu han gỉ hàng rào thép han gỉ, bong tróc sơn. Lắp đặt và đưa vào sử dụng năm 2008. Tài sản để lâu không sử dụng. Không kiểm tra được tình trạng hoạt động.

Giá khởi điểm: 49.000.000,đ

Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu đồng.

6.1 Trạm biến áp xây dựng và thiết bị máy biến áp: Bao gồm 02 cột điện, máy biến áp và hệ thống tường bao. Tường gạch cao 40cm bao quanh máy biến áp, được xây đơn giản ở góc sân, máy biến áp là trạm treo 400KVA một số chi tiết bằng sắt thép đã có dấu hiệu hoen gỉ. Tại thời điểm kê biên do nhà máy đã dừng hoạt động nên đã cắt điện từ lâu, không kiểm tra được tình trạng vận hành.

Giá khởi điểm: 75.000.000,đ

Bằng chữ: Bảy mươi năm triệu đồng.

7.1 Trạm trung chuyển và băng tải: Trạm trung chuyển xây bằng gạch thô, băng tải bằng cao su lưu hóa, kích thước băng tải rộng 80cm, dài 100m, băng tải nối qua các trạm trung chuyển có lợp mái tôn, có hệ thống vận hành điện, 02 tủ điện bằng sắt, kích thước 40x140x170cm, hệ thống băng tải không kiểm tra được tình trạng vận hành. Tại thời điểm kê biên băng tải đã hư hỏng, nứt rách, không còn nguyên vẹn; không còn hệ thống con lăn.

Giá khởi điểm: 173.716.962,đ

Băng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng.

8.1 Hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng ngoài nhà: Bao gồm hệ thống dây dẫn và cột đèn, một số vị trí không còn có bóng đèn. Tại thời điểm kê biên do không có điện nên không kiểm tra được tình trạng hoạt động.

Giá khởi điểm: 420.000,đ

Băng chữ: Bốn trăm hai mươi nghìn đồng.

9.1 Công trình xi lô và đường ống: Hoàn thiện năm 2008, bao gồm: hệ thống xi lô thép và đường ống thép, chạy quanh khu sản xuất và các đầu ống, van, mặt bích thép và một số đường ống khác. Hệ thống kết nối với hệ thống bơm dầu cốc, hệ thống quạt gió. Hiện trạng: đường ống đã cũ, để ngoài trời. Tại thời điểm kê biên không kiểm tra được tình trạng vận hành và các chi tiết bên trong, hệ thống được lắp đặt trên cao, có giá đỡ và cột ống, được lắp đặt đồng bộ, chạy dài từ khu vực sản xuất đến đầu nhà bếp.

Giá khởi điểm: 780.000.000,đ

Băng chữ: Bảy trăm tám mươi triệu đồng.

10.1 Hồ nhận than thành phẩm: Là hầm bên dưới tháp làm lạnh, rộng 3.5m sâu 4m, có máng hứng vào băng tải lên tháp sắt để chảy vào xe nhận than thành phẩm, xây bằng gạch, trát vữa xi măng, đường dẫn xuống hố dốc đổ bê tông, có máng hứng bằng thép; Tại thời điểm kê biên có khung băng tải làm bằng thép đã han gỉ, không còn mô tơ, băng tải và con lăn. Tháp sắt làm bằng kim loại bên trên có các máng, sàng quay để phân loại cỡ hạt, tình trạng đã gỉ sét, xuống cấp; Bên trên hố nhận than thành phẩm có 1 hệ thống xe goòng làm bằng kim loại đã gỉ sét. Hệ thống xe goòng gồm thân, khung, bánh xe. Kích thước rộng khoảng 1,6m dài khoảng 10m.

Giá khởi điểm: 220.948.926,đ

Băng chữ: Hai trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng.

11.1 Tháp nạp nguyên liệu: Năm hoàn thiện xây dựng 2008. Vị trí ở đầu lò luyện số 1. Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không trát. Móng bê tông cốt thép, xây gạch không chát. Móng cao hơn so với mặt đất khoảng 2m. Chiều cao từ móng lên mái khoảng 17m, được xây 4 tầng, kích thước 6.5x10m, bên trong có hệ thống phễu cấp liệu và thanh ray nối với lò luyện số 1 để cấp nạp nhiên liệu vào lò luyện số 1. Tháp nạp liệu kết nối với hệ thống băng tải cấp liệu và nối liền với lò luyện số 1 có hệ thống thanh ray chạy

sang lò luyện số 1. Tại thời điểm kê biên không kiểm tra được tình trạng vận hành, không kiểm tra chi tiết bên trong. Hiện trạng: Lâu ngày không sử dụng, thành tháp rêu mốc, cỏ mọc um tùm quanh tháp.

Giá khởi điểm: 1.212.192.219,đ

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng.

12.1 Lò luyện số 1: Năm hoàn thiện xây dựng 2008. Vị trí liền kề với tháp nạp nguyên liệu. Lò khung thép hình, thành lò xây gạch chịu lửa. Móng lò bê tông cốt thép, cao so với mặt đất khoảng 2m. Lò dài 33m, rộng khoảng 7m, cao 5m. Trong lò có hệ thống thiết bị luyện than cốc, phía bên trên có các hệ thống bơm, van áp, xe cấp liệu (xe goòng) và hệ thống thanh ray nối liền với tháp nạp liệu để xe cấp liệu chạy từ đầu thân lò đến cuối thân lò. Hiện trạng: Lò dừng hoạt động từ lâu, thân lò rêu mốc, cỏ mọc bám quanh lò. Có hệ thống thiết bị lò luyện đồng bộ gắn liền thân lò, hệ thống đồng bộ được đánh số từ 1 đến 31 bằng sơn trắng, không kiểm tra hoạt động, không kiểm tra chi tiết.

Giá khởi điểm: 13.184.714.325,đ

Bằng chữ: Mười ba tỷ một trăm tám mươi tư triệu bảy trăm mười bốn nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng.

13.1 Bể dầu cốc và bể điều tiết: Hoàn thiện năm 2008, vị trí cạnh tháp nạp nhiên liệu xây chìm dưới mặt đất có nắp đậy bê tông cốt thép phía trên. Bể khung bê tông cốt thép, đáy và thành bể xây gạch trát vữa xi măng, láng mịn. Bể có hệ thống đường ống bơm và thu hồi dầu cốc kết nối với xilo, tháp làm nguội dầu bằng hệ thống đường ống dẫn. Dung tích khoảng 1.800m³. Hiện trạng: bên dưới chứa nước, một số nắp đậy bê tông cốt thép bị bật ra, trong bể có tường ngăn xây gạch chia bể thành nhiều ô nhỏ.

Giá khởi điểm: 3.257.302.164,đ

Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm linh hai nghìn một trăm sáu mươi tư đồng.

14.1 Cầu vào nhà máy: Cầu bắc qua suối từ đường quốc lộ vào nhà máy xây bằng bê tông cốt thép, hai bên cầu có lan can bằng sắt. Kích thước 6 x 30m.

Giá khởi điểm: 531.091.424,đ.

Bằng chữ: Năm trăm ba mươi một triệu không trăm chín mươi một nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng.

15.1 Nhà bảo vệ số 1: Qua cầu bê tông nằm bên phải, kết cấu: nhà cấp 4 xây kiên cố kích thước 5x5m, trần bê tông cốt thép, mái tôn chống nóng. Móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa xi măng, lăn sơn, nền lát gạch 30x30cm, có 02 phòng vệ sinh riêng. Cửa sổ, cửa đi khung nhôm kính. hoàn thiện năm 2008. Hiện trạng: Nhà cũ, tường rêu mốc đã xuống cấp.

Giá khởi điểm: 30.061.369,đ

Bằng chữ: Ba mươi triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng.

16.1 Nhà bảo vệ số 2: ở đầu sân bên phải đường bê tông rẽ vào sân. Kết cấu: nhà cấp 4 xây kiên cố kích thước 3.5x3.5m, trần bê tông cốt thép, mái tôn chống nóng. Móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa xi măng, lăn sơn, nền lát gạch 30x30cm, cửa sổ, cửa đi khung nhôm kính. hoàn thiện năm 2008. Hiện trạng: Nhà cũ, tường rêu mốc đã xuống cấp.

Giá khởi điểm: 11.016.299,đ

Bằng chữ: Mười một triệu không trăm mười sáu nghìn hai trăm chín mươi chín đồng.

17.1 Nhà ở công nhân số 1: Nhà thứ hai bên trái từ cổng vào, tiếp giáp nhà để xe công nhân, xây dọc, lưng quay ra đường. Loại nhà: nhà xây cấp 4, 01 tầng, hoàn thiện năm 2008. Kết cấu: Móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch 220, trát vữa xi măng, lăn sơn, trần thạch cao, nền lát gạch men 30x30cm, cửa ra vào và cửa sổ nhôm kính (một số phòng cửa kính đã vỡ, một số không có cửa sau), mái tole. Bậc tam cấp xây gạch, láng xi măng. gồm có 07 phòng. Mỗi phòng có 01 phòng ngủ và 01 phòng vệ sinh khép kín, phần lớn các phòng vệ sinh hiện nay không có thiết bị vệ sinh, một số phòng có thiết bị vệ sinh nhưng hư hỏng, không sử dụng được. Kích thước 25.4 x 9.3m. Hiện trạng tài sản: tường nhiều chỗ bong tróc, ẩm mốc và có khoan đục; mái tôn có tình trạng gỉ sét thủng dột, hệ thống trần thạch cao đã ẩm mốc, phòng rộp, bục nhiều chỗ.

Giá khởi điểm: 176.439.480,đ

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng.

18.1 Nhà ở công nhân số 2: Nhà thứ 3 tiếp giáp đầu đầu vuông góc nhà ở công nhân 1, song song với nhà bếp. Loại nhà: nhà xây cấp 4, 01 tầng, hoàn thiện năm 2008. Kết cấu: Móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch 220, trát vữa xi măng, lăn sơn, trần thạch cao, nền lát gạch men 30x30cm, cửa ra vào và cửa sổ nhôm kính (một số phòng cửa kính đã vỡ, một số không có cửa sau), mái tole. Bậc tam cấp xây gạch, láng xi măng. Gồm có 07 phòng, mỗi phòng có 01 phòng ngủ và 01 phòng vệ sinh khép kín, phần lớn các phòng vệ sinh hiện nay không có thiết bị vệ sinh, một số phòng có thiết bị vệ sinh nhưng hư hỏng, không sử dụng được. Kích thước 25.4 x 9.3m. Hiện trạng tài sản: hệ cửa nhôm kính nhiều phòng cũ hỏng, vỡ kính, tường nhiều chỗ bong tróc, ẩm mốc và có khoan đục; mái tôn có tình trạng gỉ sét thủng dột, hệ thống trần thạch cao đã ẩm mốc, phòng rộp, bục nhiều chỗ.

Giá khởi điểm: 176.439.480,đ

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng.

19.1 Nhà ăn + Bếp: Tiếp giáp nhà ở công nhân số 1, song song với nhà ở số 2 và đường bê tông vào nhà máy. Loại nhà: xây cấp 4, 01 tầng, kích thước 10x25m, hoàn thiện năm 2008. Kết cấu: Móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch 220, trát vữa, lăn sơn, nền lát gạch ceramic 30x30cm, trần thạch cao, mái lợp tole chống nóng, cửa ra vào và cửa sổ nhôm kính. Tường phía ngoài một số

chỗ ốp gạch thẻ. Bậc tam cấp xây gạch, ốp đá marble. Gồm 01 phòng bếp, 01 phòng ăn và 02 phòng vệ sinh. Hiện trạng: Nhà cũ, tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ, các thiết bị vệ sinh đã hư hỏng, xuống cấp.

Giá khởi điểm: 204.962.800,đ

Bằng chữ: Hai trăm linh tư triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng.

20.1 Nhà ở chuyên gia: Nằm ở dãy bên trái thứ 3 từ cổng vào, tiếp giáp nhà bếp ăn, cửa nhìn ra sân. Kết cấu nhà xây cấp 4, 01 tầng, xây dựng năm 2008. Móng bê tông cốt thép, tường xây gạch 220 trát vữa, sơn trong ngoài, nền lát gạch men kích thước 30 x 30cm, trần thạch cao. Cửa ra vào, cửa sổ khung nhôm kính, mái lợp tôn. Dãy nhà gồm có 07 phòng, mỗi phòng có 01 phòng ngủ và 01 phòng vệ sinh khép kín (một số phòng không còn thiết bị vệ sinh, một số phòng còn thiết bị vệ sinh nhưng đã hư hỏng, xuống cấp, không sử dụng được). Kích thước nhà 25,2x9,7m. Hiện trạng nhà cũ, tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ, các thiết bị vệ sinh đều đã hư hỏng, xuống cấp.

Giá khởi điểm: 200.548.883,đ

Bằng chữ: Hai trăm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm tám mươi ba đồng.

21.1 Nhà y tế: Nằm ở vị trí nối tiếp nhà ở chuyên gia, nằm bên trái nhà điều hành. Kết cấu là nhà xây cấp 4, 01 tầng. Kích thước 7,4 x 13,2m, móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường xây gạch trát vữa xi măng, sơn trong ngoài, lợp tôn chống nóng, khung xà gồ, vì kèo thép, trần tấm thạch cao, nền lát gạch men kích thước 30 x 30cm, có phòng vệ sinh khép kín (các thiết bị vệ sinh đã hư hỏng xuống cấp), cửa ra vào bằng nhôm kính. Bậc tam cấp xây gạch láng xi măng. Hoàn thiện năm 2008. Hiện trạng: nhà cũ, tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ.

Giá khởi điểm: 70.274.098,đ

Bằng chữ: Bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn không trăm chín mươi tám đồng.

22.1 Nhà để xe cán bộ: Vị trí tiếp giáp phòng y tế. Nhà mái tôn, khung sắt, vì kèo sắt, diện tích 10,8 x 7,3m.

Giá khởi điểm: 6.258.871,đ

Bằng chữ: Sáu triệu hai trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi một đồng.

23.1 Nhà để xe công nhân: Vị trí ngay cổng vào phía bên trái gần cầu, làm bằng khung sắt, mái lợp tôn, nền láng vữa, diện tích 13.5 x 6.1m. Khung sắt mái tôn đã hoen gỉ, xuống cấp.

Giá khởi điểm: 6.537.519,đ

Bằng chữ: Sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng.

24.1 Nhà điều hành: Là dãy nhà 02 tầng thẳng từ cổng vào. Hoàn thiện năm 2008. Kết cấu nhà cấp 4, 02 tầng. Móng, cột, sàn, trần bê tông cốt thép, cửa chính

làm bằng 02 tấm kính lớn, các cửa sổ bằng kính khung inox. Có 01 sảnh chờ mái lợp tôn, vì kèo sắt, trần nhà đổ bê tông, cầu thang bê tông cốt thép trát vữa xi măng, ốp granite, lan can tay vịn inox, cửa đi lại bằng nhôm kính. Phần mái chính giữa nhà lợp mái ngói, bên trong đổ bê tông, chiều cao trần tầng 1 là 3,1m, Chiều cao trần tầng 2 là 2,8m, thông thủy phòng họp tầng 2 là 4,3m. Chiều dài ngang nhà là 29,5m, chiều rộng nhất là 12m, chiều rộng ngắn nhất là 8m, sảnh chờ tầng 1 có diện tích là 4,5 x 4,7m. Tường xây 220, sơn trong ngoài. Trần thạch cao (trần thạch cao đã hư hỏng, ẩm mốc, một số chỗ thủng dột), nền lát gạch men. Tầng 1 có 7 phòng chức năng, 03 phòng vệ sinh. Tầng 2 có 06 phòng chức năng, 04 phòng vệ sinh. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 600m².

Giá khởi điểm: 1.239.938.336,đ

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng.

25.1 Nhà thí nghiệm + nhà cân: hoàn thiện năm 2008. Nhà xây cấp 4, 01 tầng, cột gạch, mái lợp tôn, trần thạch cao, tường xây 220 trát vữa sơn trong ngoài, nền lát gạch kích thước 30 x 30cm. có 02 phòng riêng biệt. Cửa chính, cửa sổ khung nhôm kính, kích thước 19.6 x 5m. Hiện trạng: Tường có vết rạn nứt, rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ.

Giá khởi điểm: 97.249.075,đ

Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng.

26.1 Nhà để máy phát điện: Nhà xây cấp 4, lợp tôn, tường xây gạch chỉ 220 trát vữa, sơn trong ngoài, trần thạch cao, nền lát gạch men kích thước 30x30cm. Cửa ra vào, cửa sổ khung nhôm kính. Thực tế bên trong không có máy phát điện, không có thiết bị hay phụ tùng gì. Diện tích xây dựng 12.3x5.1m. Phần lợp tôn, khung sắt bên ngoài là nơi để máy phát điện (thực tế không có máy phát điện) diện tích 5.1 x 7m. Xây dựng năm 2008. Hiện trạng tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ.

Giá khởi điểm: 63.528.364,đ

Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng.

27.1 Tháp làm lạnh (nguội dầu): vị trí nằm gần trạm trung chuyển là công trình xây gạch không trát, móng bê tông cốt thép, cao 18m, kích thước 10 x 5.2m, không kiểm tra được chi tiết bên trong. Tháp có hệ thống đường ống kết nối thu hồi dầu cốc chuyển về bể dầu cốc. Hiện trạng: công trình cũ, tường rêu mốc, hoàn thiện năm 2008.

Giá khởi điểm: 822.694.134,đ

Bằng chữ: Tám trăm hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn một trăm ba mươi tư đồng.

28.1 Xưởng than cốc và Phòng chế tác: Vị trí nằm cuối lò luyện số 2, tiếp giáp với tháp làm lạnh. Công trình hoàn thiện năm 2008. Loại nhà cấp 4, 03 tầng, kích thước 4 x 5,5m, cao khoảng 9,5m, xưởng than cốc nằm ở tầng 2,

Phòng chế tác nằm ở tầng 3, Tầng dưới cùng là phòng chức năng điều khiển máy bơm (không có hệ thống điều khiển). Bên ngoài có lan can bằng sắt đã hoen gỉ. Kết cấu: khung móng bê tông cốt thép, cột gạch, nền bê tông, tường xây gạch không trát 20cm, bên ngoài có cầu thang sắt đi lên. Hiện trạng, tại thời điểm kê biên tường rêu mốc, có hiện tượng rạn nứt một số chỗ.

Giá khởi điểm: 72.056.801,đ

Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm linh một đồng.

29.1 Phòng quạt gió (Xưởng làm nguội): vị trí tiếp giáp với hệ thống xi lô đường ống và ống nạp hóa chất. Nhà xây mái bằng trát vữa, sơn trong ngoài, cửa sổ, cửa đi khung nhôm kính, nền láng ximang, kích thước 18.7 x 7m. Hoàn thiện năm 2008, loại nhà xây cấp 4, 01 tầng, kết cấu: móng, khung, cột, mái bê tông cốt thép. Hiện trạng: công trình cũ, tường rêu mốc.

Giá khởi điểm: 187.051.649,đ

Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng.

30.1 Tháp làm nguội than: Vị trí tiếp giáp với Xưởng than cốc và phòng chế tác. Xây gạch không trát, gạch chỉ 110, chiều cao 11.2m, diện tích 10 x 4.0m, bên dưới có hầm kết nối với băng tải nhận than (băng tải đã hoen gỉ nhiều chỗ, không vận hành). Xây dựng năm 2008.

Giá khởi điểm: 249.306.096,đ

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm linh sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng.

31.1 Bể làm nguội than: Vị trí tiếp giáp với tháp làm nguội than. Xây chìm, có 03 ngăn, thành bể có một số chỗ đã bị vỡ, rêu mốc, không có nắp che. Hoàn thiện năm 2008. Bể xây gạch trát vữa xi măng láng mịn, bể rộng 5 x 13m.

Giá khởi điểm: 291.542.799,đ

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng.

32.1 Phòng cơ khí (kho + phân xưởng sửa chữa): Vị trí tiếp giáp với phòng quạt gió. Là nhà xây cấp 4, lợp tôn chống nóng, khung xà gồ, vì kèo thép, móng bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa, sơn trong ngoài, nền láng xi măng, cửa nhôm kính. Kích thước 24.5 x 6.9m. Xây dựng năm 2008. Hiện trạng nhà cũ, tường rêu mốc.

Giá khởi điểm: 129.323.588,đ

Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm tám mươi tám đồng.

33.1 Công trình ống khói: Xây bằng gạch chịu lửa, không trát, hiện trạng có vết nứt dài chạy dọc thân ống khói, đường kính ống khói 6m, cao 89m, công trình hoàn thiện năm 2008, móng bê tông cốt thép, công trình dạng ống và thu nhỏ dần khi lên cao, công trình đã cũ, rêu mốc.

Giá khởi điểm: 3.107.491.900,đ

Bảng chữ: Ba tỷ một trăm linh bảy triệu bốn trăm chín mươi một nghìn chín trăm đồng.

34.1 Bể nước 800m³. Hoàn thiện năm 2008. Bể nổi, tường xây gạch cao khoảng 2m, bề rộng khoảng 15m, phía ngoài không trát, phía trong trát vữa xi măng láng mịn. Nền bể bê tông cốt thép, trát vữa xi măng láng mịn. Hiện trạng: mặt ngoài bể tường không trát, cũ, rêu mốc, xung quanh bể cỏ mọc um tùm. Bên trong bể chứa nước.

Giá khởi điểm: 357.821.660,đ

Bảng chữ: Ba trăm năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng.

35.1 Sân nội bộ + đường nội bộ + đường dẫn: là phần mặt sân, mặt đường được tráng bê tông trong khuôn viên nhà máy, bao gồm mặt đường đường nối các khu vực, các khu nhà và mặt sân trong khuôn viên nhà máy. Diện tích mặt bê tông khoảng 24.245m² (phần tách rời với mặt đất)

Giá khởi điểm: 1.109.848.818,đ

Bảng chữ: Một tỷ một trăm linh chín triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm mười tám đồng.

36.1 Hệ thống rãnh thoát nước: xây chìm, rộng khoảng 40cm, thoát nước thải và nước mưa quanh nhà xưởng, không có nắp đậy, đoạn chạy qua gần khu nhà có nắp đậy.

Giá khởi điểm: 271.319.000,đ

Bảng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu ba trăm mười chín nghìn đồng.

37.1 Bể lắng số 2 giữa sân: hoàn thiện năm 2008, nằm ở vị trí rìa sân, phía suối nước, được xây lấp chìm dưới đất, chứa nước và chất thải lắng đọng của nhà máy.

Giá khởi điểm: 246.349.202,đ

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm linh hai đồng.

38.1 Tường rào bao quanh nhà máy: ngăn cách giữa sân và rìa suối, xây gạch hoa sắt, kết cấu: tường rào sắt, cột gạch, bước trụ 2m, dài khoảng 70m. Hiện trạng: phần gạch rêu mốc, rào sắt han rỉ.

Giá khởi điểm: 38.123.081,đ

Bảng chữ: Ba mươi tám triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi một đồng.

39.1 Trạm cân (phần xây dựng): Là đường dẫn 2 đầu lên bàn cân, được đổ bê tông kiên cố. Kích thước dài 11.6m, rộng 3.3m, cao trung bình 30cm.

Giá trị hạng mục này đã được gộp chung vào hạng mục số 35 (Sân nội bộ + đường nội bộ + đường dẫn) để tính giá trị.

40.1 Bể nước sinh hoạt: Vị trí phía sau nhà điều hành, xây dựng, hoàn thiện năm 2008, bể xây nổi bằng gạch, trát vữa xi măng láng mịn. Nền bể bê tông cốt thép, trát vữa xi măng láng mịn.

Giá khởi điểm: 38.067.654,đ

Bằng chữ: Ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng.

41.1 Cấp nước ngoài nhà: Bao gồm hệ thống ống, van, giá đỡ, cấp nước cho toàn bộ nhà máy, và sinh hoạt của các khu nhà, hoàn thiện năm 2008.

Hệ thống đường ống đi chìm dưới đất đã hư hỏng không có giá trị.

42.1 Thoát nước ngoài nhà: Được xây dựng đồng bộ năm 2008, bao gồm hệ thống công, máng, ống thoát nước từ khu vực sản xuất và sinh hoạt các khu nhà (phân tách rời với đất). *(Hạng mục này đã được gộp chung vào giá trị thẩm định của hạng mục số 36 Hệ thống rãnh thoát nước).*

Ghi chú: Các hạng mục tài sản từ 1.1 đến 5.1 bán riêng lẻ. Các hạng mục còn lại từ 6.1 đến 42.1 không bán riêng lẻ.

Địa chỉ của tài sản: Toàn bộ tài sản nêu trên hiện nằm trong khuôn viên Nhà máy Công ty than cốc và khoáng sản Việt Trung, xóm Tục Ngã, xã Đông Khê, tỉnh Cao Bằng.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định.

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

(1) Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

(3) Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án).

(4) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

(5) Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ bán đấu giá;

2. Hồ sơ năng lực (giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; giấy chứng nhận đủ đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ bán đấu giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu, ...)

3. Các tài liệu khác có liên quan của tổ chức bán đấu giá.

4. Thời hạn, hình thức, địa điểm nộp hồ sơ:

Thời gian nộp hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày 18/7/2025 đến hết ngày 22/7/2025 (Trong giờ hành chính).

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Văn thư) của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ nộp hồ sơ: Trụ sở Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, Khu hành chính mới, tổ 7, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng. Số điện thoại CHV: 0919582898./.

Lưu ý:

- Hồ sơ năng lực phải được sắp xếp theo đúng trình tự của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm (Phụ lục I) ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP, được đánh số thứ tự từ 01 đến hết và kèm bảng danh mục tài liệu.

- Đối với các tiêu chí không có tài liệu hoặc hình ảnh chứng minh thì sẽ không chấm điểm.

- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh Cao Bằng;
- Công TTĐT của Cục QLTHADS;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Ngọc Tuấn

